TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2024
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Ngọc Ngân Hà.

Ông Đoàn Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 267/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bích L - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh S - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-9-2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L *trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Minh S cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2005 ngày 22-11-2005. Trong quá trình chung sống, từ khi cưới nhau đến khi có con thì bà và ông S xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã mất hạnh phúc gia đình. Bà và ông S sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Minh S.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 11-11-2005 và Nguyễn Phạm Minh A, sinh ngày 11-01-2013. Khi ly hôn, con chung Nguyễn Thị Minh T đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phạm Minh A, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà L có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Bích L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Minh S, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông S được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Phạm Thị Bích L và ông Nguyễn Minh S chung sống có đăng ký kết hôn ngày 22-11-2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông S là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử nhận định: bà L cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã gây mất hạnh phúc gia đình. Ông S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân với bà L. Vì vậy, qua lời trình bày của bà L nhận thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà L yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: con chung Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 11-11-2005 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung Nguyễn Phạm Minh A, sinh ngày 11-01-2013 từ khi bà L và ông S sống ly thân do bà L nuôi dưỡng. Vì vậy, nhằm tránh sự thay đổi tâm lý con chung nên giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[8.1] Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

[8.2] Ông S không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích L được ly hôn với ông Nguyễn Minh S.

2. Về nuôi con chung: con chung Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 11-11-2005 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Phạm Thị Bích L được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phạm Minh A, sinh ngày 11-01-2013, hiện đang sống chung với bà L. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà L và ông S có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004741 ngày 16-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái